

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình tổng thể của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022;

Thực hiện Công văn số 2089/STC-TTr ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài chính về việc gửi báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022;

Sở Du lịch báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (THTK, CLP)

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

Sở Du lịch đã xây dựng Chương trình THTK, CLP trên cơ sở triển khai và thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước chỉ đạo tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về Luật Phòng chống tham nhũng, lãng phí và hàng quý báo cáo tình hình thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chương trình kế hoạch về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị, thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các văn bản quy định trên được phổ biến đến cán bộ, công chức tại các cuộc họp chi bộ, họp cơ quan.

Ngày 24 tháng 2 năm 2022 Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 15/KH-SDL về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022. Kế hoạch đưa vào sinh hoạt định kỳ những nội dung kiểm tra và tự kiểm tra để theo dõi chỉ đạo uốn nắn kịp thời đúng theo quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, đơn vị.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP

Sở Du lịch phối hợp với các đoàn thể cơ quan, trên cơ sở triển khai và thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách Nhà nước chỉ đạo tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về Luật Phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các văn bản quy định



trên được phổ biến đến cán bộ công chức và người lao động tại các cuộc họp chi bộ, họp cơ quan.

Từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động cơ quan, làm việc có năng suất chất lượng đạt hiệu quả cao.

Trong năm 2022, đơn vị công khai dự toán ngân sách năm 2022 và công khai tình hình thực hiện dự toán quý 1,2,3 năm 2022 theo quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Du lịch.

Hàng năm đều đảm bảo định mức khoán chi kinh phí ngân sách nhà nước chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP

Sở Du lịch luôn qua tâm đến việc kiểm tra, giám sát về THTK, CLP của công chức và người lao động trong cơ quan. Kịp thời chấn chỉnh những sai sót để khắc phục.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Sở Du lịch xây dựng quy định thực hành tiết kiệm và chống lãng phí trong cơ quan trên một số lĩnh vực hoạt động, chỉ tiêu trong kinh phí ngân sách nhà nước cụ thể như sau: Chế độ sử dụng xe ô tô đi công tác, sử dụng điện sinh hoạt, nước, điện thoại, xăng, văn phòng phẩm, chi phí hội nghị, tiếp khách...

Thực hiện đúng nội quy, quy định của cơ quan về việc chấp hành theo quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo không vi phạm các quy định của Nhà nước về các nội dung chi.

2. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được

Qua công tác triển khai thường xuyên các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, Sở Du lịch về các nội dung liên quan đến việc THPTK, CLP, công chức và người lao động đã nâng lên về nhận thức và tinh thần trách nhiệm có ý thức tốt trong việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm... Ngoài ra cơ quan còn quan tâm đến việc tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý.

Hàng năm có tổ chức Hội nghị cán bộ công chức để góp ý xây dựng bổ sung, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ. Mọi hoạt động thu chi tài chính đều tuân thủ nghiêm túc theo Quy chế, từ đó đã thực hiện có hiệu quả tiết kiệm chi tiêu ngân sách, trong năm 2022 cơ quan dự kiến tiết kiệm được khoảng 350 triệu đồng giảm 1,23% so với cùng kỳ năm. (Kèm theo Phụ lục số 02)

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc quán triệt về công tác THPTK, CLP còn chưa thường xuyên, liên tục. Còn một vài trường hợp chưa thật sự ý thức về công tác tiết kiệm đôi khi còn lãng phí trong việc sử dụng điện, nước.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THPTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM TIẾP THEO

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc THPTK, CLP và tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các Chỉ thị, các văn bản hướng dẫn chỉ đạo về công tác THPTK, CLP đến từng công chức và người lao động nhằm nâng cao hơn nữa ý thức tiết kiệm của từng cá nhân trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiết kiệm trong quản lý, mua sắm tài sản.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả THPTK, CLP. Rà soát các quy trình, quy định, thủ tục liên quan đến thủ tục hành chính để thực hiện điều chỉnh, đơn giản hóa.

Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của công chức và người lao động trong cơ quan luôn nói không với tham nhũng, lãng phí. Tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tiết giảm chi phí hội họp, đi công tác.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho công chức và người lao động về THPTK, CLP, nói đi đôi với làm.

Kiểm tra, rà soát lại việc thu chi ngân sách, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực phải thực hiện đúng quy định, quy chế, nhằm tránh xảy ra lãng phí.

Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ công khai, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của Sở Du lịch./. *Ma*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- BGĐ;
- Các phòng thuộc Sở
- Lưu: VT, nxluy (01b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Chí Thanh

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÂNG PHÍ
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH QUẢN LÝ
 Kỳ báo cáo: năm 2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	Số 152/QĐ-SDL	Số 01/QĐ-SDL	Số 01/QĐ-SDL			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng						
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
6551	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
6601	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
6501	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
6503	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
6502	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
6700	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
6650	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
6721	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
6950	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác	triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc						
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng						
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							Vốn ngoài ngân sách
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2						
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác	triệu đồng						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	284.911.000	350.000.000	350.000.000	1,23	1,00	
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Nguyễn Xuân Quý

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
KI. GIAM ĐOC
PHO GIAM ĐOC





(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-SDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Sở Du lịch)

ĐVT: 1.000 đồng

[illegible]